

Số: 151/2024/QĐST-HNGĐ

Nhơn Trạch, ngày 22 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 131/2024/TLST-VDS ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Phạm Văn Q**, sinh năm 1990

Địa chỉ thường trú: **Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang**.

- Bà **Đậu Thị H**, sinh năm 1990

Địa chỉ thường trú: **Xóm H, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An**;

Chỗ ở hiện nay: **Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông **Phạm Văn Q** và bà **Đậu Thị H** chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã **K, huyện A, tỉnh An Giang** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 09/5/2011 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời kỳ hôn nhân, ông **Q** và bà **H** có 02 con chung tên **Phạm Thị Thùy D**, sinh ngày 13/10/2011 và **Phạm Văn Thiện N**, sinh ngày 27/9/2014.

Quá trình chung sống, ông **Q** và bà **H** bất đồng quan điểm nên thường xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông bà thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận cho thuận tình ly hôn.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch đã tiến hành hòa giải đoàn tụ đối với ông Q và bà H nhưng không thành; Các đương sự thống nhất thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan. Thỏa thuận của các đương sự ghi nhận tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn Q và bà Đậu Thị H thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Thị Thùy D, sinh ngày 13/10/2011 và Phạm Văn Thiện N, sinh ngày 27/9/2014 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Phạm Văn Q và bà Đậu Thị H vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Ông Q và bà H có quyền thăm nom con, không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Phạm Văn Q và bà Đậu Thị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn Q và bà Đậu Thị H thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Thị Thùy D, sinh ngày 13/10/2011 và Phạm Văn Thiện N, sinh ngày 27/9/2014 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Phạm Văn Q và bà Đậu Thị H vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Ông Q và bà H có

quyền thăm nom con, không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

1.4. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông **Phạm Văn Q** phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0017632 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Bà **Đậu Thị H** phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 150.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017633 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Ông **Phạm Văn Q** và bà **Đậu Thị H** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân;
- UBND xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự;
- Lưu.

Phạm Vũ Ngọc Hiệp